

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Bùi Thị Thu Nhi**;

2. Bà **Lê Thị Bé Bảy**;

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 335/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “*Quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện; không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Kim P**, sinh năm 1966; CCCD số: 082166005717; Địa chỉ: **số A L, khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp**.

* *Đại diện theo ủy quyền:* Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1993; CCCD số: 082193014363; Địa chỉ: **số C H, phường M, tỉnh Đồng Tháp**.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P:* Bà **Dương Thị Kim L** - Luật sư của **Văn phòng L1**, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1984; số CCCD: 082084025402;

Địa chỉ: **số A L, khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp**.

* *Đại diện theo ủy quyền:* Bà **Hà Thị T1**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: **số A N, ấp B, xã T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh**.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1962;

+ Chị **Nguyễn Ngọc Y**, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: **số B Ấp B, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp**.

* *Đại diện theo ủy quyền:* Bà **Hà Thị T1**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: **số A N, ấp B, xã T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh**.

- + Ông **Trần Quốc S**, sinh năm 1961;
Địa chỉ: **khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp**.
- 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự thống nhất thửa đất số 845, tờ bản đồ số 70, diện tích 114,4m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc **khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp**, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02578, cấp ngày 02/3/2005 là thuộc quyền sử dụng đất của bà **Trần Kim P**, vị trí thửa đất:

- + Hướng Đông: giáp với thửa 709 có kích thước 16,32m; 2,31m;
- + Hướng Tây: giáp với thửa 13 có kích thước 20,17m; 2,96m;
- + **Hướng N**: giáp với **đường H** có kích thước 1,81m;
- + **Hướng B**: giáp với đường bê tông có kích thước 1,50m; 0,70m.

2.2. Bà **Trần Kim P** đồng ý cho anh **Nguyễn Ngọc A** mở lối đi có diện tích 34m² thuộc thửa đất số 845 của bà **P**, vị trí:

- + Hướng Đông: giáp với phần còn lại thửa 845 có kích thước 22,13 m;
- + Hướng Tây: giáp với thửa 13 có kích thước 20,17m; 2.96m;
- + **Hướng N**: giáp với **đường H** có kích thước 1,81m;
- + **Hướng B**: giáp với đường bê tông có kích thước 1,50m.

(Tất cả có sơ đồ kèm theo)

- Anh **Nguyễn Ngọc A** có quyền, nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xác lập quyền sử dụng đất hạn chế thửa đất liền kề đối với diện tích được công nhận mở lối đi như trên theo quy định tại khoản 2 Điều 29, Điều 133 Luật đất đai.

2.3. Anh **Nguyễn Ngọc A** đồng ý trả lại giá trị quyền sử dụng đất (34m²) cho bà **Trần Kim P** số tiền 140.000.000 đồng, thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tài sản trên đất các đương sự đã thỏa thuận xong.

2.4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Kim P** về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07341, cấp ngày 29/12/2019 cho bà **Trần Thị M**.

2.5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Kim P** về việc yêu cầu anh **Nguyễn Ngọc A** chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất 241, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00097 cấp ngày 30/9/2014.

2.6. Về án phí:

- Anh **Nguyễn Ngọc A** thỏa thuận chịu 7.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- **H** lại cho bà **Trần Kim P** 600.000 đồng tạm ứng án phí theo 02 biên lai thu tiền số 0023005 ngày 16 tháng 11 năm 2022 và 0005528 ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Tháp).

2.7. Về chi phí tố tụng: đã thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV1 – ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Thừa